

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản thỏa thuận thuận tình ly hôn, thỏa thuận con chung và tài sản chung ngày 06 tháng 11 năm 2020;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 375/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1/ Ông Ngô Đức T, sinh năm: 1984;

Địa chỉ thường trú: phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Lê Hoàng TL, sinh năm: 1988;

Địa chỉ thường trú: Phường E, quận R, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: phường H, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* ông Ngô Đức T và bà Lê Hoàng TL yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn nên căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự thì yêu cầu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Đương sự có nơi cư trú tại Quận 2 nên căn cứ điểm h khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số giấy chứng nhận kết hôn số 43/2011, Quyền số 01/2011 tại Ủy ban nhân dân Phường H, quận R, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 19/4/2011 thì có cơ sở xác định hôn nhân giữa ông T và bà TL là hợp pháp.

Xét thấy ông T và bà TL đã thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa ông Ngô Đức T và bà Lê Hoàng TL.

[3] *Về con chung*: có 03 con chung tên là Ngô Đức Tr, sinh ngày 09/11/2011, Ngô Minh Tr, sinh ngày 15/3/2013 và Ngô Khả N, sinh ngày 27/8/2017. Đôi bên thống nhất giao 03 con chung cho bà Lê Hoàng TL trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Ngô Đức T cấp dưỡng mỗi tháng 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng/1 trẻ vào ngày 30 dương lịch hàng tháng cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi, bắt đầu từ ngày 30/11/2020.

[4] *Về tài sản chung*: Đôi bên tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: Đôi bên cùng khai không có.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành tại Tòa án nhân dân Quận 2, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Ngô Đức T và bà Lê Hoàng TL thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 43/2011, Quyền số 01/2011 tại Ủy ban nhân dân Phường H, quận R, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 19/4/2011 hết hiệu lực kể từ ngày Tòa án ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn).

- Về con chung: có 03 con chung tên là Ngô Đức Tr, sinh ngày 09/11/2011 và Ngô Minh Tr, sinh ngày 15/3/2013 và Ngô Khả N, sinh ngày 27/8/2017. Đôi bên thống nhất giao 03 con chung cho bà Lê Hoàng TL trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Ngô Đức T cấp dưỡng mỗi tháng 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng/1 trẻ vào ngày 30 dương lịch hàng tháng cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi, bắt đầu từ ngày 30/11/2020.

Kể từ ngày bà TL có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng theo thỏa thuận nêu trên thì hàng tháng ông T phải trả tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thi hành án.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên thi hành dưới sự giám sát của cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

- Về tài sản chung: Đôi bên tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Đôi bên cùng khai không có.

2. Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Lê Hoàng TL tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà bà TL đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số AA/2017/0027976 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2. Bà TL đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2;
- Ủy ban nhân dân phường H, quận R;
- Lưu (VT), hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Tạ Nam Phương